

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN U MINH  
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **89/2020/HNGĐ-ST**

Ngày: 03 - 11 – 2020

V/v Ly hôn.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH TỈNH CÀ MAU.**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Mộng Chi.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Trịnh Hữu Hiệp

Ông Trịnh Hoàng Thám

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Huỳnh Hoàng Anh, Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

Ngày 03 tháng 11 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 251/2020/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 8 năm 2020 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 90/2020/QĐXXST - HNGĐ ngày 17 tháng 9 năm 2020 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Chị Võ Thái N, sinh năm 1999

HKTT: Ấp R, xã KB, huyện T, tỉnh Cà Mau

Chỗ ở hiện nay: Ấp 6, xã K, huyện U, tỉnh Cà Mau.

**- Bị đơn:** Anh Trần Quốc H, sinh năm: 1994

Địa chỉ: Ấp 10, xã K, huyện U, tỉnh Cà Mau.

Chị N có đơn xin xét xử vắng mặt ngày 30/9/2020; anh H vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**- Tại đơn khởi kiện ngày 24 tháng 8 năm 2020, nguyên đơn Chị Võ Thái N trình bày:**

Vào năm 2019 chị N và anh H chung sống với nhau, hôn nhân tự nguyện nhưng không đăng ký kết hôn. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng hiện nay với nhiều lý do khác nhau vợ chồng không còn thương yêu nhau nữa, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được.

Chị nhận thấy không thể tiếp tục chung sống với nhau nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh Trần Quốc H.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do đi làm ăn nên chị N yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng: Tranh chấp giữa các đương sự được xác định là tranh chấp hôn nhân gia đình về việc ly hôn, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện U Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Chị Võ Thái N có đơn yêu cầu vắng mặt tại phiên tòa, anh Trần Quốc H đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do nên căn cứ vào khoản 2 Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt anh H, chị N.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy, chị Võ Thái N và anh Trần Quốc H tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2019 nhưng không đăng ký kết hôn nên quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh H không được pháp luật công nhận, không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ vợ chồng theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên căn cứ khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình tuyên bố không công nhận Chị Võ Thái N với anh Trần Quốc H là vợ chồng.

[3] Về con chung: Chị Võ Thái N xác định không có không yêu cầu nên không xem xét.

[4] Về tài sản chung: Chị Võ Thái N xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh H không có ý kiến gì đối với việc chị N yêu cầu tài sản chung tự thỏa thuận nên Hội đồng xét xét không xem xét trong vụ án này. Trường hợp các đương sự có tranh chấp về tài sản chung trong thời kỳ chung sống thì có quyền khởi kiện bằng vụ kiện khác.

[5] Về nợ chung: Chị N xác định không có, anh H cũng không có ý kiến gì đối với việc chị N xác định quá trình chung sống không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm Chị Võ Thái N phải chịu 300.000 đồng.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Võ Thái N và anh Trần Quốc H là vợ chồng.

- Về con chung: Không có.

- Về tài sản chung: Không xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Chị Võ Thái N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng. Chị Võ Thái N đã nộp tạm ứng án phí với số tiền 300.000 (ba trăm ngàn) đồng theo biên lai thu tiền số 0005166 ngày 31/8/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện U Minh, tỉnh Cà Mau được chuyển thu án phí.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

Chị N, anh H vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được thực hiện niêm yết công khai theo quy định.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện U Minh;
- Chi cục THADS huyện U Minh;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*(đã ký)*

**Nguyễn Mộng Chi**